

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 62/2023/DS -ST
Ngày 16 tháng 9 năm 2023
“V/v Tranh chấp chia thừa kế”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Bút

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa:
Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Vào ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-DS ngày 01/8/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim Q, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Xuân Q, sinh năm 1960; Cùng địa chỉ: 152B tổ 10A T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lê Thanh L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 14, phường B, quận H, tp Đà Nẵng. Có mặt

* Bị đơn: Bà Mai Thị Kim C; Địa chỉ: Tổ 2, thôn L, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng. Có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1991; Địa chỉ: 23 Đ, phường Q, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền là Bà Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Thôn Dương Lâm 1, xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bà Phương Thúy H, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số 02 ngách 56 ngõ 64, phố Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 24/8/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:*

Ông Nguyễn Xuân C (sinh năm 1932) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1937) có với nhau 04 người con chung là: Nguyễn Thị Kim Q (sinh năm 1958), Nguyễn Xuân Qu (sinh năm 1960), Nguyễn Thị Thu L (sinh năm 1963 - chết ngày 04/01/2006), Nguyễn Quốc H (sinh năm 1972 – chết ngày 22/8/2021, không có vợ con). Bà L không có chồng và tự túc sinh được 02 người con: Hoàng Thị Thu H (sinh năm 1991) và Phương Thúy H (sinh năm 1996). Ông Nguyễn Xuân C có cha là ông Nguyễn Đình D (sinh năm 1883 - chết năm 1945) và mẹ là bà Thái Thị K (sinh năm 1885 - chết năm 1971). Bà Nguyễn Thị L có cha là ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1901 - chết năm 1969) và mẹ là bà Tạ Thị D (sinh năm 1915 - chết năm 2010). Nguyên trước đây, ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L có tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích 1264m² đất thổ cư tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tp Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B363763 vào ngày 10/12/1994 cho hộ gia đình, do ông Nguyễn Xuân C đại diện đứng tên. Đến năm 2002, thì ông C chết và năm 2014 bà L cũng qua đời, cả hai đều không để lại di chúc. Tại thời điểm chết, hàng thừa kế thứ nhất còn sống của ông C và bà L chỉ còn lại 04 người là: Nguyễn Thị Kim Q, Nguyễn Xuân Qu, Hoàng Thị Thu H và Phương Thúy H (trong đó, Hương và Hằng là người thuộc diện thừa kế chuyển tiếp và thừa kế thế vị của mẹ là bà Nguyễn Thị Thu L đã chết trước đó).

Từ xưa cho đến nay, cả gia đình bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Xuân Qu (nay gọi tắt là gia đình bà Q, ông Qu) vì lý do công việc cũng như điều kiện hoàn cảnh nên đều chuyển ra Hà Nội sinh sống lâu dài. Đối với nhà đất ở quê thì do bà Mai Thị Kim C (là người thân quen với gia đình) không có chỗ ở nên cha mẹ của bà Q, ông Qu (tức là ông C và bà L) đã cho bà C được trông coi, quản lý nhà đất cho đến khi họ có nhu cầu thì lấy lại. Theo đó, bà C đã trực tiếp trông coi, quản lý cũng như hưởng hoa lợi, lợi tức từ nhà đất của cha mẹ bà Q, ông Qu tại thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11 từ năm 2002 cho đến nay. Tuy bà C là người được cha mẹ bà Q, ông Qu cho ở nhờ nhà đất nhưng mọi nghĩa vụ tài chính với nhà nước liên quan đến đất đai nói trên đều do gia đình bà Q, ông Qu giao tiền cho bà C nộp hộ hàng năm theo quy định của pháp luật. Đến cuối năm 2021, các chị em bà Q, ông Qu nhận thấy nhà đất của

cha mẹ để lại cũng đã đến lúc giao lại cho con cháu quản lý nên đã về yêu cầu bà C giao trả lại toàn bộ nhà đất mà bà được cho ở nhờ để làm thủ tục thừa kế. Tuy nhiên, bà C không hợp tác. Theo kết quả đo đạc thực tế và kết quả thẩm định giá thì nhà có diện tích xây dựng là 101,4m² trên đất có diện tích 1.241m², Tổng giá trị nhà và đất là 2.982.191.932đ, trong đó đất có giá là 2.836.627.032đ, ngôi nhà có giá là 145.564.900đ.

Tại thời điểm khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Mai Thị Kim C bàn giao nhà và đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích đất 1241m², tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để chia thừa kế, nhưng sau khi Tòa án thụ lý vụ án bà C đã bàn giao di sản trên nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu đòi tài sản là di sản nêu trên.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim Q và Nguyễn Xuân Qu yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L để lại là nhà và đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích đất 1241m², tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật, tức chia đều thành 03 phần bằng nhau cho: bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu mỗi người một phần; bà Hoàng Thị Thu H và bà Phương Thúy H một phần.

** Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Mai Thị Kim C trình bày:* Nhà và đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích đất 1241m², tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B363763 vào ngày 10/12/1994 cho hộ gia đình do ông Nguyễn Xuân C đại diện đứng tên. Bà là vợ hai của ông C, ông bà chung sống như vợ chồng vào năm 1993 và sống tại ngôi nhà đất nêu trên còn bà Nguyễn Thị L cùng các con của ông C sống tại Hà Nội. Bà và ông C không đăng ký kết hôn, không có con chung nhưng cả tộc họ đều thừa nhận. Ông C chết năm 2002 không để lại di chúc, bà vẫn tiếp tục sống trong ngôi nhà này và quản lý nhà đất cho đến hôm nay. Ngôi nhà này được bà sửa chữa nhiều lần và đang thờ cúng cha mẹ cùng anh chị em của ông C. Suốt ba mươi năm nay bà là người thờ cúng và lo hương khói cho những người này. Bà thống nhất kết quả đo đạc thực tế đất có diện tích 1241m² và kết quả thẩm định giá đất có giá 2.836.627.032đ, công trình xây dựng trên đất có giá 145.564.900đ.

Nay bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Xuân Qu yêu cầu khi chia di sản thừa kế thì bà đồng ý vì bản chất đây là tài sản của ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L nhưng bà yêu cầu khi chia thừa kế Tòa án giao phần đất có ngôi nhà gắn liền trên đất cho ông Nguyễn Xuân Qu và yêu cầu được hỗ trợ phần công sức bảo quản di

sản trong ngân ấy thời gian với số tiền là 100.000.000đ. Ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

** Quá trình giải quyết vụ án, người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*
Hoàng Thị Thu H - người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Bích D trình bày:
 Nguyên thủy khi còn sống, ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L là ông bà ngoại của bà Hương có khối tài sản chung là nhà đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích hơn 1000m² tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng và đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật. Từ khi bà H sinh ra và lớn lên thì cả gia đình đã chuyển ra Hà Nội sinh sống lâu dài đến nay đã hơn 20 năm. Khi chuyển đi thì bà H được biết nhà đất ở quê không có người quản lý, trông nom nên ông bà ngoại đã cho bà Mai Thị Kim C (là người thân quen với ông bà ngoại) ở tạm để trông coi, quản lý nhà đất cho đến khi ông bà ngoại có nhu cầu thì lấy lại (phần vì bà C không có nhà để ở nên được ông bà tạo điều kiện). Thời gian sau ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L đều lần lượt qua đời, toàn bộ tài sản của ông bà để lại là di sản thừa kế được chia cho các con các cháu. Do đó, nay ông Nguyễn Xuân Qu và bà Nguyễn Thị Kim Quảng khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết đòi lại nhà đất cũng như phân chia nhà đất này cho những người thừa kế thì bà H hoàn toàn thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Qu, bà Nguyễn Thị Kim Q, đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu khởi kiện nêu trên. Đối với phần di sản của ông C, bà Loãn để lại là nhà đất nêu trên, khi Tòa án giải quyết phân chia thì bà H đồng ý giao cho ông Nguyễn Xuân Qu, bà Nguyễn Thị Kim Q quản lý, sử dụng. Ông Nguyễn Xuân Qu, bà Nguyễn Thị Kim Q được quyền liên hệ các cơ quan chức năng để được đứng tên chủ sử dụng đất và sở hữu nhà theo đúng quy định của pháp luật. Bà H không có ý kiến gì về kết quả đo đạc thực tế đất có diện tích 1241m² và kết quả thẩm định giá.

** Tòa án đã Thông báo về phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng người có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phương Thúy H vắng mặt không có lý do.*

** Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm :* Bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B363763, 02 bản sao Giấy chứng tử của Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L, Bản sao sổ hộ khẩu gia đình bà Nguyễn Thị L, Bản sao Trích lục khai tử của ông Nguyễn Đình D và bà Thái Thị K (cha mẹ ông C), Bản sao Trích lục khai tử của ông Nguyễn Văn L và bà Tạ Thị D (cha mẹ bà L), Giấy khai sinh, bản photo CMND, CCCD của bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu; Trích lục khai tử của ông Nguyễn Quốc H, bà Nguyễn Thị L, Bản sao giấy khai sinh của bà Hoàng Thị Thu H và Phương Thúy H, Tờ khai hàng thừa kế; 01 Đơn xin miễn giảm tiền tạm ứng án phí của bà Nguyễn Thị Kim Q, và ông Nguyễn Xuân Qu, 01 căn cước công dân photo

của bà C; 01 văn bản trình bày ý kiến, 01 Giấy ủy quyền của ông Qu, bà Q; 01 văn bản trình bày, 01 Giấy ủy quyền của bà Hương; Biên bản lấy lời khai và Đơn trình bày, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bà C; Đơn cung cấp thông tin của bà H; Đơn xin xác nhận quá trình cư trú và sử dụng đất của hộ ông C; Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hồ sơ xác minh, xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản;

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang xét thấy:

Trong quá trình chung sống ông C, bà L tạo dựng được khối tài sản là nhà và đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích đất 1264m² (đo đạc thực tế là 1.241m²) tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân huyện H, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B363763 vào ngày 10/12/1994 cho hộ gia đình do ông Nguyễn Xuân C đại diện đứng tên.

Ông Nguyễn Xuân C (sinh năm 1932) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1937) có với nhau 04 người con chung là: Nguyễn Thị Kim Q (sinh năm 1958), Nguyễn Xuân Qu (sinh năm 1960), Nguyễn Thị Thu L (sinh năm 1963 - chết ngày 04/01/2006), Nguyễn Quốc H (sinh năm 1972 – chết ngày 22/8/2021, không có vợ con). Bà L không có chồng và tự túc sinh được 02 người con: Hoàng Thị Thu H (sinh năm 1991) và Phương Thúy H (sinh năm 1996). Ông Nguyễn Xuân C có cha là ông Nguyễn Đình D (sinh năm 1883 - chết năm 1945) và mẹ là bà Thái Thị K (sinh năm 1885 - chết năm 1971). Bà Nguyễn Thị L có cha là ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1901 - chết năm 1969) và mẹ là bà Tạ Thị D (sinh năm 1915 - chết năm 2010). Ông C chết năm 2002 và bà L chết năm 2014, cả hai đều không để lại di chúc. Tại thời điểm chết, hàng thừa kế thứ nhất còn sống của ông C và bà L đều chỉ còn lại 04 người là: Nguyễn Thị Kim Q, Nguyễn Xuân Qu, Hoàng Thị Thu H và Phương Thúy H (trong đó, H và H là người thuộc diện thừa kế chuyển tiếp và thừa kế thế vị của mẹ là bà Nguyễn Thị Thu L đã chết trước đó).

Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 169, 179 của Luật đất đai, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Q, ông Qu là hoàn toàn có căn cứ nên cần chấp nhận. Theo quy định của pháp luật thì phần di sản của ông C, bà L để lại sẽ được chia đều cho 3 kỷ phần, bao gồm 02 người con của ông C, bà L là bà Q, ông Qu mỗi người một kỷ phần, các bà H, H1 nhận 01 kỷ

phần của bà Loan. Đối với phần di sản mà bà Hg được nhận bà H tự nguyện để lại cho bà Q, ông Qu nên đề nghị HĐXX công nhận. Các đương sự có nguyện vọng nhận hiện vật nên đề nghị HĐXX xem xét chia theo hiện vật trên cơ sở trừ lỗi đi đảm bảo theo quy định của UBND thành phố Đà Nẵng khi tách thửa.

Riêng đối với yêu cầu đòi tài sản là di sản của ông C bà L, nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện và bị đơn là bà Mai Thị Kim C đề nghị tính công sức quản lý di sản nên đề nghị HĐXX đình chỉ 1 phần yêu cầu khởi kiện và chia thừa kế có tính công sức quản lý di sản cho bà C.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bà Q và ông Qu trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị HĐXX xem xét miễn án phí theo quy định của pháp luật.

* Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản nguyên đơn tự nguyện chịu nên đề nghị HĐXX công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phương Thúy H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần, đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, bị đơn Mai Thị Kim C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Trong quá trình chung sống ông Nguyễn Xuân C (sinh năm 1932) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1937) tạo lập được khối tài sản chung là nhà và đất thuộc thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11, diện tích đo đạc thực tế là 1241m² đất thổ cư tọa lạc tại thôn L, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng đã được Ủy ban nhân dân huyện H, tp Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B363763 vào ngày 10/12/1994 cho hộ gia đình, do ông Nguyễn Xuân C đại diện đứng tên. Vợ chồng ông C, bà L kê khai theo CT 299, sau đó thực hiện kê khai theo Nghị định 64/CP nên đây là tài sản chung của ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L và căn cứ Điều 103 Luật đất đai 2013 công nhận ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng 1000m² đất ở, 241m² đất trồng cây hàng năm khác.

[3] Ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L sinh được 04 người con chung là: Nguyễn Thị Kim Q (sinh năm 1958), Nguyễn Xuân Qu (sinh năm 1960), Nguyễn

Thị Thu L (sinh năm 1963 - chết ngày 04/01/2006), Nguyễn Quốc H (sinh năm 1972 – chết ngày 22/8/2021, không có vợ con). Bà L không có chồng và tự túc sinh được 02 người con: Hoàng Thị Thu H (sinh năm 1991) và Phương Thúy H (sinh năm 1996). Ông Nguyễn Xuân C có cha là ông Nguyễn Đình D (sinh năm 1883 - chết năm 1945) và mẹ là bà Thái Thị K (sinh năm 1885 - chết năm 1971). Bà Nguyễn Thị L có cha là ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1901 - chết năm 1969) và mẹ là bà Tạ Thị D (sinh năm 1915 - chết năm 2010).

Ông C chết năm 2002 và bà L chết năm 2014, cả hai đều không để lại di chúc. Tại thời điểm chết, hàng thừa kế thứ nhất còn sống của ông C và bà L chỉ còn lại 04 người là: Nguyễn Thị Kim Q, Nguyễn Xuân Qu, Hoàng Thị Thu H và Phương Thúy H (trong đó, H và H1 là người thuộc diện thừa kế chuyển tiếp và thừa kế thế vị của mẹ là bà Nguyễn Thị Thu L đã chết năm 2006, chết sau ông C và chết trước bà L).

[4] Xét thấy, ngôi nhà gắn liền trên thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11 có diện tích là 1.241m² là tài sản của vợ chồng ông C bà L hiện do bà Mai Thị Kim C quản lý, tuy nhiên sau khi Tòa án thụ lý vụ án bà C đã giao nhà cho các đồng thừa kế của ông C, bà L để chia thừa kế, bà C yêu cầu khi chia thừa kế các đồng thừa kế trả công sức quản lý di sản cho bà với số tiền 100.000.000đ và nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc yêu cầu bà C giao lại di sản là nhà và đất nêu trên nên HĐXX căn cứ Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện.

Ông C, bà L chết không để lại di chúc nên di sản của ông C bà L là nhà và quyền sử dụng đất nêu trên được chia theo quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652 Bộ luật dân sự và các Điều 167, 179 Luật đất đai năm 2013 HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Q, ông Qu đối với bà Mai Thị Kim C về việc chia di sản thừa kế của vợ chồng ông C bà L.

Theo quy định của pháp luật thì phần di sản của ông C, bà L để lại sẽ được chia đều cho 03 người con là bà Q, ông Qu và bà L, trong đó bà L đã chết nên các bà H và H1 là con của bà L được nhận 01 kỷ phần mà bà L được hưởng. Đối với kỷ phần bà H được nhận bà H tự nguyện để lại cho bà Q, ông Qu nên HĐXX công nhận. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có nguyện vọng được chia hiện vật tuy nhiên thửa đất số 227, tờ bản đồ số 11 chỉ có lối đi nhỏ vào thửa đất nên cần phải mở lối đi có bề ngang 5m để đảm bảo điều kiện chia tách thửa theo quy định của UBND thành phố Đà Nẵng và diện tích đất trừ lối đi là 129,18m² đất trồng cây hằng năm khác, phần tài sản còn lại chia thừa kế là nhà và đất có diện tích 1.111,82m² (trong đó có 1.000m² đất ở và 111,82m² đất trồng cây hằng năm khác). Do đó, HĐXX chia diện tích đất 1.111,82m² làm 03 phần bằng nhau, bà Q và ông Qu mỗi người được hưởng một phần là 333,33m² đất ở và 37,27m² đất trồng cây hằng năm khác, đối với phần

còn lại sẽ được chia cho bà H và H1 mỗi người được $166,66\text{m}^2$ đất ở và $18,63\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác. Phần bà H được hưởng sẽ chia đều cho bà Q và ông Qu mỗi người $83,33\text{m}^2$ đất ở và $9,32\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác. Như vậy, phần tài sản là quyền sử dụng đất mỗi người được hưởng cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu mỗi người được hưởng $416,66\text{m}^2$ đất ở, $46,6\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác; bà Phương Thúy H được hưởng $166,66\text{m}^2$ đất ở, $18,63\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác.

[5] Đối với ngôi nhà diện tích $101,4\text{m}^2$ các đương sự có nguyện vọng giao cho ông Qu được quyền sử dụng để tiện việc thờ cúng, do đó HĐXX giao ngôi nhà gắn liền trên đất cho ông Qu được quyền sở hữu và ông Qu có nghĩa vụ trả phần công sức quản lý di sản cho bà Mai Thị Kim C số tiền $100.000.000\text{đ}$, phần giá trị còn lại của ngôi nhà được chia 3 phần và ông Qu phải có nghĩa vụ thối cho bà Q một phần, thối cho bà H và H1 một phần. Theo kết quả thẩm định giá tài sản phần ngôi nhà diện tích $101,4\text{m}^2$ có giá trị $145.564.900\text{đ}$, sau khi ông Qu trả cho bà C số tiền $100.000.000\text{đ}$, số tiền còn lại là $45.564.900\text{đ}$ được chia 3 phần, ông Qu có nghĩa vụ thối cho bà Q một phần là $15.188.300\text{đ}$, thối cho bà H và H1 một phần chia đôi mỗi người là $7.594.150\text{đ}$ ($15.188.300\text{đ} : 2 = 7.594.150\text{đ}$), bà H đã nhường quyền lợi của mình cho bà Q và ông Qu nên ông Qu có nghĩa vụ thối cho bà Q phần bà H nhường cho bà Q số tiền $3.797.075\text{đ}$ ($7.594.150\text{đ} : 2 = 3.797.075\text{đ}$).

[6] Theo kết quả thẩm định giá tài sản: đất ở tại thửa 227 tờ bản đồ số 2 thôn L, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng có giá $2.989.691\text{đ}/\text{m}^2$, đất trồng cây hằng năm khác có giá $1.950.952\text{đ}/\text{m}^2$. Do ông Qu có yêu cầu quy đổi số tiền phải thối trả cho bà H1 sang diện tích đất ở và trừ vào kỷ phần ông Qu được hưởng để tiện việc thi hành án nên HĐXX quy đổi số tiền $7.594.150\text{đ}$ ông Qu phải có nghĩa vụ thối trả cho bà H1 sang $2,54\text{m}^2$ đất ở để chia cho bà H1 và trừ kỷ phần ông Qu được hưởng $2,54\text{m}^2$. Đồng thời do hình thể của thửa đất sau khi trừ lối đi không thể chia đều hiện vật cho bà Q và ông Qu nên giao cho ông Qu phần đất thực tế có diện tích lớn hơn bà Q và ông Qu có nghĩa vụ thối trả phần chênh lệch cho bà Q là hợp lý. Do đó, phần đất thực tế chia cho bà Nguyễn Thị Kim Q có diện tích 317m^2 đất ở bị thiếu $99,66\text{m}^2$ đất ở và $46,6\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác so với kỷ phần được nhận; phần đất thực tế chia cho bà Phương Thúy H1 có diện tích $187,83\text{m}^2$ trong đó có $169,20\text{m}^2$ đất ở ($166,66\text{m}^2 + 2,54\text{m}^2 = 169,20\text{m}^2$) và $18,64\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác; phần đất thực tế chia cho ông Nguyễn Xuân Qu là $606,98\text{m}^2$ trong đó có $513,78\text{m}^2$ đất ở ($416,66\text{m}^2 + 99,66\text{m}^2 - 2,54\text{m}^2 = 513,78\text{m}^2$) và $93,2\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác, phần vượt lên là $99,66\text{m}^2$ đất ở và $46,6\text{m}^2$ đất trồng cây hằng năm khác so với kỷ phần ông Qu được nhận là của bà Q nên ông Qu phải có nghĩa vụ thối trả tiền cho bà Q, cụ thể là $388.866.968\text{đ}$ ($99,66\text{m}^2 \times 2.989.691\text{đ}/\text{m}^2 + 46,6\text{m}^2 \times 1.950.952\text{đ}/\text{m}^2 = 388.866.968\text{đ}$).

Như vậy, kỷ phần ông Qu, bà Q mỗi người được nhận có giá trị đất là $1.336.599.015đ$ ($416,66m^2 \times 2.989.691đ/m^2 + 46,6m^2 \times 1.950.952đ/m^2 = 1.336.599.015đ$) và giá trị nhà là $18.985.375đ$ ($15.188.300đ + 3.797.075đ = 18.985.375đ$), tổng cộng là $1.355.584.390đ$ ($1.336.599.015đ + 18.985.375đ$); bà Phương Thúy H1 được nhận có giá trị đất là $534.608.137đ$ ($166,66m^2 \times 2.989.691đ/m^2 + 18,63m^2 \times 1.950.952đ/m^2 = 534.608.137đ$) và giá trị nhà là $3.797.075đ$, tổng cộng là $538.405.212đ$ ($534.608.137đ + 3.797.075đ = 538.405.212đ$)

*Tứ cận ngôi nhà gắn liền trên phần đất thực tế ông Nguyễn Xuân Qu được nhận như sau:

- Phía Đông giáp đất mở lối đi, dài 25,91m.
- Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị N, dài 22,28m.
- Phía Nam giáp nhà bà Phạm Thị Tt, dài 26,11m.
- Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Phước V, có 04 đoạn gấp khúc, đoạn 1 dài 2,51m, đoạn 2 dài 10,64m, đoạn 3 dài 4,02m, đoạn 4 dài 9,23m.

* Tứ cận phần đất thực tế bà Nguyễn Thị Kim Q được nhận như sau:

- Phía Đông giáp ruộng nước, dài 16,25m.
- Phía Tây giáp đất mở lối đi, dài 18,49m.
- Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phương Thúy H1, dài 19,96m.
- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Phước V, dài 19,93m.

* Tứ cận phần đất thực tế bà Phương Thúy H1 được nhận như sau:

- Phía Đông giáp ruộng nước, dài 11,75m.
- Phía Tây giáp đường bê tông, có 02 đoạn, đoạn 1 dài 4,91m, đoạn 2 dài 6,84m.
- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đình C, dài 15,10m.
- Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim Q, dài 16,96m.

[8] Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, chi phí đo đạc bản đồ nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q và ông Nguyễn Xuân Qu tự nguyện chịu. Bà Q, ông Qu đã nộp tạm ứng và đã chi hết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên HĐXX chấp nhận và miễn án phí cho bà Q, ông Qu. Bà Phương Thúy H1 chịu án phí trên kỷ phần được nhận là $25.384.325đ$ ($20.000.000đ + (538.405.212đ - 400.000.000đ) \times 4\% = 25.536.208đ$).

[10] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự 2015; Các Điều 169, 179 của Luật đất đai; Các Điều 147, 157, 158, 161, 162, 165, 166, 217, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu đối với yêu cầu đòi tài sản đối với bà Mai Thị Kim C.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu đối với bà Mai Thị Kim C về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

Xử:

1. Công nhận 1.241m² đất trong đó có 1.000m² đất ở và 241m² đất trồng cây hàng năm khác là di sản thừa kế của ông Nguyễn Xuân C và bà Nguyễn Thị L. Xử:

- Bà Nguyễn Thị Kim Q được nhận phần đất thực tế có diện tích 317m² đất ở.

* Tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp mương nước, dài 16,25m.

- Phía Tây giáp đất mở lối đi, dài 18,49m.

- Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phương Thúy H1, dài 19,96m.

- Phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Phước V, dài 19,93m.

- Ông Nguyễn Xuân Qu được nhận ngôi nhà có diện tích xây dựng 101.4m² gắn liền trên phần đất thực tế có diện tích 606,98m² trong đó có 513,78m² đất ở và 93,2m² đất trồng cây hàng năm khác.

* Tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp đất mở lối đi, dài 25,91m.

- Phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị N, dài 22,28m.

- Phía Nam giáp nhà bà Phạm Thị T, dài 26,11m.

- Phía Bắc giáp nhà ông Nguyễn Phước V, có 04 đoạn gấp khúc, đoạn 1 dài 2,51m, đoạn 2 dài 10,64m, đoạn 3 dài 4,02m, đoạn 4 dài 9,23m.

- Bà Phương Thúy H1 được nhận phần đất thực tế có diện tích 187,83m² trong đó có 169,20m² đất ở và 18,64m² đất trồng cây hàng năm khác.

* Tứ cận như sau:

- Phía Đông giáp mương nước, dài 11,75m.

- Phía Tây giáp đường bê tông, có 02 đoạn, đoạn 1 dài 4,91m, đoạn 2 dài 6,84m.

- Phía Nam giáp đất ông Nguyễn Đình C, dài 15,10m.

- Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị Kim Q, dài 16,96m.

(Có sơ đồ kèm theo)

Buộc:

- Ông Nguyễn Xuân Qu có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị Kim C số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), thôi trả cho bà Nguyễn Thị Kim Q số tiền 388.866.968đ (ba trăm tám mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng).

Các bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu, bà Phương Thúy H1 được quyền liên hệ Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí thẩm định giá tài sản, chi phí đo đạc bản đồ bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu tự nguyện chịu, bà Q và ông Qu đã nộp đủ.

5. Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị Kim Q, ông Nguyễn Xuân Qu; bà Phương Thúy H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 25.536.208đ.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 16/9/2023. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Những người TGTT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

